Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông – HP (23401605) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2124360034	Ninh Thị Vân	Anh	22/08/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
2	2124360006	Lương Thị Ngọc	Điệp	03/05/1983	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
3	2124360012	Huỳnh Thi	Đình	08/12/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
4	2124360036	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	28/01/2006	Tiếng Hàn Quốc A	6.0	5.0	5.0	5.3	
5	2124360010	Nguyễn Nhã Thanh	Hằng	19/07/2006	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
6	2124360041	Bùi Quang Đức	Hiếu	03/01/2005	Tiếng Hàn Quốc A	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	2124360040	Phạm Thị Mỹ	Hiếu	19/05/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
8	2124360033	Trần Thị	Hoa	25/09/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	7.0	7.0	6.5	
9	2124360013	Nguyễn Kim	Khánh	29/04/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
10	2124360002	Huỳnh Thị Thuỳ	Linh	19/09/2005	Tiếng Hàn Quốc A	6.0	5.0	5.0	5.3	
11	2124360028	Trương Thụy Phương	Linh	02/07/2006	Tiếng Hàn Quốc A	7.0	10.0	10.0	9.3	
12	2124360005	Vũ Thùy	Linh	20/01/2004	Tiếng Hàn Quốc A	6.0	5.0	5.0	5.3	
13	2124360025	Phan Thị Xuân	Mai	30/09/2006	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
14	2124360027	Nguyễn Duy	Mạnh	24/06/2006	Tiếng Hàn Quốc A	7.0	7.0	8.0	7.5	
15	2124360020	Đặng Huỳnh Ngọc	Ngân	27/10/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	5.0	5.0	5.0	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
16	2124360008	Trần Thảo	Ngân	22/06/2004	Tiếng Hàn Quốc A	9.0	7.0	7.0	7.5	
17	2124360023	Trương Bảo	Ngân	19/04/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	5.0	5.0	5.8	
18	2124360018	Tô Mẫn	Nghi	25/08/2004	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	7.0	5.0	5.5	
19	2124360015	Võ Trần Bảo	Nghi	12/03/2006	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
20	2124360022	Trần Hồng	Ngọc	07/09/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	5.0	5.0	5.8	
21	2124360024	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	11/04/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
22	2124360037	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/06/2006	Tiếng Hàn Quốc A	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	2124360007	Hoàng Thị Tâm	Như	10/03/2006	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
24	2124360029	Bùi Thị Ngọc	Phương	24/06/2006	Tiếng Hàn Quốc A	10.0	7.0	7.0	7.8	
25	2124360019	Vũ Thị Mai	Phương	05/09/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
26	2124360030	Nguyễn Dương Minh	Thư	15/07/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	5.0	5.0	5.0	
27	2124360004	Nguyễn Minh	Thư	09/09/2005	Tiếng Hàn Quốc A	6.0	7.0	7.0	6.8	
28	2124360043	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2005	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
29	2124360021	Dương Ngọc Thủy	Thương	06/04/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	7.0	7.0	7.3	
30	2124360009	Nguyễn Hồ Thuỷ	Tiên	22/12/2006	Tiếng Hàn Quốc A	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	2124360016	Nguyễn Ngọc	Trâm	09/08/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	8.0	9.0	8.5	
32	2124360003	Lưu Mỹ	Trinh	10/06/2006	Tiếng Hàn Quốc A	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	2124360032	Trần Nguyễn Huyền	Trinh	28/06/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	7.0	6.0	6.0	
34	2124360026	Võ Đình	Trọng	13/10/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	6.0	8.0	6.8	
35	2124360044	Đặng Thị Thanh	Tuyền	29/04/2004	Tiếng Hàn Quốc A	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	2124360035	Hồ Thị	Vy	22/04/2006	Tiếng Hàn Quốc A	9.0	7.0	7.0	7.5	
37	2124360014	Mai Ngọc Yến	Vy	15/07/2006	Tiếng Hàn Quốc A	7.0	7.0	7.0	7.0	
38	2124360017	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	10/05/2006	Tiếng Hàn Quốc A	6.0	5.0	5.0	5.3	
39	2124360011	Đào Ngọc Như	Ý	29/08/2006	Tiếng Hàn Quốc A	8.0	5.0	5.0	5.8	
40	2124360038	Đoàn Phạm Như	Ý	23/10/2006	Tiếng Hàn Quốc A	5.0	5.0	5.0	5.0	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú

TPHCM , ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông – HP (23401605) Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2124360034	Ninh Thị Vân	Anh	22/08/2006	CCQ2436A	7.3	7.0	7,10	
2	2124360006	Lương Thị Ngọc	Điệp	03/05/1983	CCQ2436A	7.8	7.0	7,30	
3	2124360012	Huỳnh Thi	Đình	08/12/2006	CCQ2436A	7.3	6.0	6,50	
4	2124360036	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	28/01/2006	CCQ2436A	5.3	7.0	6,30	
5	2124360010	Nguyễn Nhã Thanh	Hằng	19/07/2006	CCQ2436A	7.8	7.0	7,30	
6	2124360041	Bùi Quang Đức	Hiếu	03/01/2005	CCQ2436A	0.0	0.0	0,00	
7	2124360040	Phạm Thị Mỹ	Hiếu	19/05/2006	CCQ2436A	7.3	5.0	5,90	
8	2124360033	Trần Thị	Hoa	25/09/2006	CCQ2436A	6.5	5.0	5,60	
9	2124360013	Nguyễn Kim	Khánh	29/04/2006	CCQ2436A	7.3	7.0	7,10	
10	2124360002	Huỳnh Thị Thuỳ	Linh	19/09/2005	CCQ2436A	5.3	5.0	5,10	
11	2124360028	Trương Thụy Phương	Linh	02/07/2006	CCQ2436A	9.3	6.0	7,30	
12	2124360005	Vũ Thùy	Linh	20/01/2004	CCQ2436A	5.3	8.0	6,90	
13	2124360025	Phan Thị Xuân	Mai	30/09/2006	CCQ2436A	7.8	5.0	6,10	
14	2124360027	Nguyễn Duy	Mạnh	24/06/2006	CCQ2436A	7.5	8.0	7,80	
15	2124360020	Đặng Huỳnh Ngọc	Ngân	27/10/2006	CCQ2436A	5.0	6.0	5,60	
16	2124360008	Trần Thảo	Ngân	22/06/2004	CCQ2436A	7.5	6.0	6,60	
17	2124360023	Trương Bảo	Ngân	19/04/2006	CCQ2436A	5.8	6.0	5,90	
18	2124360018	Tô Mẫn	Nghi	25/08/2004	CCQ2436A	5.5	5.0	5,20	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2124360015	Võ Trần Bảo	Nghi	12/03/2006	CCQ2436A	7.8	7.0	7,30	
20	2124360022	Trần Hồng	Ngọc	07/09/2006	CCQ2436A	5.8	6.0	5,90	
21	2124360024	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	11/04/2006	CCQ2436A	7.3	7.0	7,10	
22	2124360037	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/06/2006	CCQ2436A	0.0	0.0	0,00	
23	2124360007	Hoàng Thị Tâm	Như	10/03/2006	CCQ2436A	7.8	8.0	7,90	
24	2124360029	Bùi Thị Ngọc	Phương	24/06/2006	CCQ2436A	7.8	6.0	6,70	
25	2124360019	Vũ Thị Mai	Phương	05/09/2006	CCQ2436A	7.3	7.0	7,10	
26	2124360030	Nguyễn Dương Minh	Thư	15/07/2006	CCQ2436A	5.0	5.0	5,00	
27	2124360004	Nguyễn Minh	Thư	09/09/2005	CCQ2436A	6.8	5.0	5,70	
28	2124360043	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2005	CCQ2436A	7.3	5.0	5,90	
29	2124360021	Dương Ngọc Thủy	Thương	06/04/2006	CCQ2436A	7.3	6.0	6,50	
30	2124360009	Nguyễn Hồ Thuỷ	Tiên	22/12/2006	CCQ2436A	0.0	0.0	0,00	
31	2124360016	Nguyễn Ngọc	Trâm	09/08/2006	CCQ2436A	8.5	7.0	7,60	
32	2124360003	Lưu Mỹ	Trinh	10/06/2006	CCQ2436A	0.0	0.0	0,00	
33	2124360032	Trần Nguyễn Huyền	Trinh	28/06/2006	CCQ2436A	6.0	7.0	6,60	
34	2124360026	Võ Đình	Trọng	13/10/2006	CCQ2436A	6.8	7.0	6,90	
35	2124360044	Đặng Thị Thanh	Tuyền	29/04/2004	CCQ2436A	0.0	0.0	0,00	
36	2124360035	Hồ Thị	Vy	22/04/2006	CCQ2436A	7.5	5.0	6,00	
37	2124360014	Mai Ngọc Yến	Vy	15/07/2006	CCQ2436A	7.0	8.0	7,60	
38	2124360017	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	10/05/2006	CCQ2436A	5.3	5.0	5,10	
39	2124360011	Đào Ngọc Như	Ý	29/08/2006	CCQ2436A	5.8	5.0	5,30	
40	2124360038	Đoàn Phạm Như	Ý	23/10/2006	CCQ2436A	5.0	7.0	6,20	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú

TPHCM , ngày 17 tháng 01 năm 2025

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình